

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1868~~ /UBDT-TH

Hà Nội, ngày ~~18~~ tháng 10 năm 2023

V/v rà soát, đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới.

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; căn cứ Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc; để có cơ sở đánh giá toàn diện về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác dân tộc tại Kết luận số 65-KL/TW, báo cáo, tham mưu, đề xuất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và cấp có thẩm quyền về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo, Ủy ban Dân tộc đề nghị các Bộ, Cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng dân tộc thiểu số và miền núi xây dựng báo cáo rà soát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Kết luận 65-KL/TW, trong đó tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và phổ biến, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân tộc; thực hiện các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ về công tác dân tộc trong Nghị quyết 24-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng.
2. Công tác triển khai, thể chế hóa để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được nêu tại Kết luận 65-KL/TW thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành, địa phương từ năm 2019 đến nay.
3. Tập trung rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, thành tựu, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW và các chương trình, dự án, chính sách dân tộc từ năm 2019 đến nay. Kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền (nếu có).

4. Xác định phương hướng, giải pháp, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, ngành, địa phương triển khai, thực hiện Kết luận 65-KL/TW trong năm 2024 và giai đoạn đến năm 2030.

*(Đề cương báo cáo theo phụ lục gửi kèm).*

Báo cáo của bộ, ngành, địa phương gửi về Ủy ban Dân tộc **trước ngày 20 tháng 11 năm 2023** (bản điện tử xin gửi qua địa chỉ email: [vutonghop@cema.gov.vn](mailto:vutonghop@cema.gov.vn); điện thoại: 0243.733.2197) để tổng hợp xây dựng báo cáo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Dân vận Trung ương (để p/h);
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Cơ quan công tác dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu VT, TH (02b). **15**

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Y Vinh Tor**



**Phụ lục I**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới**  
(Kèm theo Công văn số 1868/UBDT-TH ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc)

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, LÃNH ĐẠO, QUẢN TRIỆT TRIỂN KHAI KẾT LUẬN 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến quán triệt và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân tộc; thực hiện các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ về công tác dân tộc trong Nghị quyết 24-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng.

**II. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC**

Công tác triển khai nhiệm vụ thể chế hóa, xây dựng, tham mưu hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành để thực hiện các nhiệm vụ trong Kết luận 65-KL/TW từ năm 2019 đến nay.

**III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾT LUẬN 65-KL/TW VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**

1. Tình hình lĩnh vực công tác do bộ, ngành quản lý trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN). (Thông tin, số liệu khái quát về thực trạng, đánh giá và so sánh về mức độ phát triển so với mặt bằng chung cả nước).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chính sách tác động trực tiếp đến đồng bào DTTS và nhằm phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN do bộ, ngành quản lý từ năm 2019 đến nay (bám sát các nhiệm vụ trọng tâm tại Mục 4, Kết luận 65-KL/TW), một số nội dung chính như:

- Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng DTTS&MN.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hóa và xã hội hóa nguồn lực để đầu tư phát triển vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản giá trị cao; bảo vệ môi trường sinh thái; tạo sinh kế cho người dân...



- Ưu tiên nguồn lực Nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ trường học, trạm y tế...; các dịch vụ xã hội cơ bản khác như điện, viễn thông, tiếp cận thông tin.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề, y tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS&MN. Tăng cường hợp tác, đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng biên giới.

- Phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ các bộ DTTS. Các chính sách đặc thù về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cho người DTTS và cán bộ người DTTS...

- Đảm bảo tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Các hoạt động, nỗ lực giúp phụ nữ DTTS nâng cao tri thức, năng lực, cơ hội phát triển nghề nghiệp, vị thế, kinh tế trong xã hội.

*Biểu tổng hợp số liệu kết quả thực hiện theo mẫu kèm đề cương.*

#### **IV. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾT LUẬN 65-KL/TW VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**

1. Đánh giá kết quả, thành tựu đạt được:

- Các nhiệm vụ trong Kết luận 65-KL/TW đã triển khai thực hiện, kết quả;
- Các nhiệm vụ chưa triển khai thực hiện (nếu có);
- Chương trình, dự án, chính sách dân tộc.

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân.

#### **V. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024 VÀ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030**

##### **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư
2. Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
3. Bộ, Ban, ngành Trung ương
4. Các địa phương.



TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu mẫu kèm Phụ lục I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW,  
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO BỘ, NGÀNH  
QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO TỪ NĂM 2019 ĐẾN NAY**

*(Kèm theo Báo cáo số ..... ngày ... tháng ... năm ..... của .....)*

STT	Tên nhiệm vụ, chương trình, chính sách/Nội dung nhiệm vụ chính trị	Tóm lược kết quả đạt được	Đơn vị tính	Khối lượng/Số lượng	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các nhiệm vụ trong Kết luận 65-KL/TW					
-						
-	.....					
II	Các chương trình, dự án, chính sách dân tộc					
-						
-	.....					

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục II**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kết luận 65-KL/TW**  
**của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới**  
(Kèm theo Công văn số: 1868/UBDT-TH ngày 13 tháng 10 năm 2023  
của Ủy ban Dân tộc)

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, LÃNH ĐẠO, QUẢN TRIỆT TRIỂN KHAI KẾT LUẬN 65-KL/TW CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến, quán triệt và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân tộc; thực hiện các chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ về công tác dân tộc trong Nghị quyết 24-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng.

**II. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC**

Công tác triển khai nhiệm vụ thể chế hóa, xây dựng, tham mưu hoàn thiện hệ thống chính sách, quy định có liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền, quản lý của tỉnh, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ trong Kết luận 65-KL/TW từ năm 2019 đến nay.

**III. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐỜI SỐNG ĐỊA BÀN DTTS TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

- Khái quát về đặc điểm, tình hình, thực trạng đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn.

- Thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

**IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỪ NĂM 2019 ĐẾN NAY.**

- Tình hình thực hiện 8 nhóm nhiệm vụ trọng tâm được nêu tại mục 4, Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Kết quả thực hiện chương trình, chính sách, các đề án, dự án liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

*Biểu tổng hợp số liệu thực hiện theo mẫu kèm theo đề cương.*

**V. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾT LUẬN 65-KL/TW VÀ KẾT QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**

1. Đánh giá tình hình, kết quả, thành tựu đạt được:

- Các nhiệm vụ trong Kết luận 65-KL/TW đã triển khai thực hiện, hiệu quả, mức độ so với yêu cầu đặt ra;



- Các nhiệm vụ chưa triển khai thực hiện (nếu có);
  - Kết quả các chương trình, dự án, chính sách dân tộc.
2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân.

**VI. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024 VÀ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030**

**VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư
2. Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
3. Bộ, Ban, ngành Trung ương

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Biểu mẫu kèm Phụ lục II

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW  
VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TẠI ĐỊA PHƯƠNG  
TỪ NĂM 2019 ĐẾN NAY**

*(Kèm theo Báo cáo số ..... ngày ... tháng ... năm ..... của .....)*

STT	Nội dung	Tóm lược nội dung/kết quả	Đơn vị tính	Khối lượng/Số lượng	Tổng kinh phí (Tr.đ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I.	Các nhiệm vụ trong Kết luận 65-KL/TW				-	
-					-	
-	.....				-	
II	Các chương trình, dự án, chính sách dân tộc					
-						
-	.....					

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



## DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

### I. DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NHẬN CÔNG VĂN

STT	Bộ, cơ quan Trung ương
1	Bộ Quốc phòng
2	Bộ Công an
3	Bộ Ngoại giao
4	Bộ Tư pháp
5	Bộ Tài chính
6	Bộ Công Thương
7	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
8	Bộ Giao thông vận tải
9	Bộ Xây dựng
10	Bộ Thông tin và Truyền thông
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
14	Bộ Nội vụ
15	Bộ Y tế
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Bộ Tài nguyên và Môi trường
18	Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
19	Ban Tôn giáo Chính phủ
20	Ngân hàng Nhà nước
21	Ngân hàng Chính sách xã hội

### III. DANH SÁCH CƠ QUAN DÂN TỘC CÁC TỈNH/TP NHẬN CÔNG VĂN

STT	Tỉnh, Thành Phố	STT	Tỉnh, Thành Phố
1	BDT tỉnh An Giang	28	BDT tỉnh Lâm Đồng
2	BDT tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	29	BDT tỉnh Nghệ An
3	BDT và Tôn giáo tỉnh Bạc Liêu	30	Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình
4	BDT tỉnh Bắc Giang	31	BDT tỉnh Ninh Thuận
5	BDT tỉnh Bắc Kạn	32	BDT tỉnh Phú Thọ
6	BDT tỉnh Bình Định	33	BDT tỉnh Phú Yên
7	BDT tỉnh Bình Phước	34	BDT tỉnh Quảng Bình
8	BDT tỉnh Bình Thuận	35	BDT tỉnh Quảng Nam
9	BDT tỉnh Cao Bằng	36	BDT tỉnh Quảng Ngãi
10	BDT tỉnh Cà Mau	37	BDT tỉnh Quảng Ninh
11	BDT Tp. Cần Thơ	38	BDT tỉnh Quảng Trị
12	BDT tỉnh Đắk Lắk	39	BDT tỉnh Sóc Trăng
13	BDT tỉnh Đắk Nông	40	BDT tỉnh Sơn La
14	BDT tỉnh Điện Biên	41	BDT tỉnh Thanh Hoá
15	BDT tỉnh Đồng Nai	42	BDT tỉnh Thái Nguyên
16	Văn phòng UBND TP. Đà Nẵng	43	BDT TP Hồ Chí Minh
17	BDT tỉnh Gia Lai	44	BDT tỉnh TT Huế
18	BDT tỉnh Hà Giang	45	BDT tỉnh Trà Vinh
19	BDT TP. Hà Nội	46	BDT tỉnh Tuyên Quang
20	BDT tỉnh Hậu Giang	47	BDT tỉnh Vĩnh Long
21	BDT tỉnh Hoà Bình	48	BDT tỉnh Vĩnh Phúc
22	BDT tỉnh Khánh Hoà	49	BDT tỉnh Yên Bái
23	BDT tỉnh Kiên Giang	50	Văn phòng UBND tỉnh Long An
24	BDT tỉnh Kon Tum	51	Văn phòng UBND tỉnh Hà Tĩnh
25	BDT tỉnh Lai Châu	52	Ban Tôn giáo Dân tộc, Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh
26	BDT tỉnh Lào Cai	53	Văn phòng UBND tỉnh Bình Dương
27	BDT tỉnh Lạng Sơn		